

Bản án số: 45/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 27-6-2024
Về việc ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Trường Hận.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Hồ Thị Hoa.

2. Bà Trương Thị Như Ngọc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Hồng Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Ý - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 6 năm 2024, tại Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 88/2024/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2024 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 96/2024/QĐXXST-DS ngày 05/6/2024, giữa các đương sự:

1- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Thanh N, sinh năm 1975; địa chỉ: Ấp G Xáng I, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang. Có mặt.

2- Bị đơn: Chị Huỳnh Kim Đ, sinh năm 1976; địa chỉ: Ấp G Xáng I, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa nguyên đơn là anh N trình bày: Năm 1995 anh N và chị Đ cưới nhau nhưng không đăng ký kết hôn. Trước đây sống hạnh phúc, đến năm 2021 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, sau khi bán hết đất đai chị Đ bỏ nhà đi, đến nay chị Đ trở về nhưng mâu thuẫn phát sinh nhiều thêm, nhiều lần chị Đ gây áp lực ảnh hưởng đến đời sống cá nhân của anh N. Tháng 10/2023 chị Đ tự ý dọn ra ngoài sống riêng. Nay yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn. Anh N trình bày có 02 người con chung là Nguyễn

Kim P, sinh năm 1996 và **Nguyễn Trung L**, sinh năm 1998. Các con đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết gì về con. Không tài sản chung, không yêu cầu vấn đề gì khác.

- *Bị đơn chị Đ trình bày*: Do cha mẹ mai mối nên anh chị cưới nhau năm 1995, đến nay không đăng ký kết hôn. Hiện tại có 02 người con chung như lời trình bày của anh **N**. Chị **Đ** đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh **N**. Chị **Đ** không tranh chấp hay yêu cầu gì khác.

- *Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến*: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình và chấp hành nội quy phiên tòa. Anh **N** và chị **Đ** sống chung từ năm 1995 đến nay nhưng không đăng ký kết hôn nên đề nghị không công nhận anh chị là vợ chồng. Không ai yêu cầu gì khác nên đề nghị không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Anh **N** và chị **Đ** không đăng ký kết hôn nhưng có yêu cầu giải quyết ly hôn nên Tòa án thụ lý vụ án giải quyết theo quy định tại Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Năm 1995 anh **N** và chị **Đ** sống chung như vợ chồng cho đến nay nhưng không đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng đối với anh **N** và chị **Đ**. Theo đó, anh **N** và chị **Đ** không phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng theo quy định tại Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Anh **N** và chị **Đ** xác định có 02 người con chung là **Nguyễn Kim P**, sinh năm 1996 và **Nguyễn Trung L**, sinh năm 1998; hiện nay đều đã trưởng thành, không ai yêu cầu gì nên không xét.

[4] Về cấp dưỡng: Không ai yêu cầu nên không xét.

[5] Về tài sản và nợ chung: Đương sự không tranh chấp tài sản và trình bày không nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu có phát sinh tranh chấp các đương sự có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thành vụ án khác.

[6] Án phí sơ thẩm: Anh **N** là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên chịu án phí hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân

sự và Điều 6, 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Như vậy, anh **N** phải chịu án phí là 300.000 đồng, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 92, 147, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 9, 14, 53, 57 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 6, 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1- Về hôn nhân: Không công nhận là vợ chồng giữa anh **Nguyễn Thanh N** và chị **Huỳnh Kim Đ.**

2- Án phí sơ thẩm: Anh **Nguyễn Thanh N** chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0004969 ngày 21/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh.

3- Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Minh;
- Chi cục THADS huyện An Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Trường Hận